

KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ NHỮNG GỢI SUY TRONG ĐIỀU KIỆN CỦA VIỆT NAM

TS. Trần Hậu Ngọc, TS. Phạm Xuân Thảo¹, ThS. Nguyễn Bảo Ngọc
Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ

Tóm tắt:

Bằng phương pháp phân tích tài liệu, các tác giả bài viết đã trình bày tổng quát kinh nghiệm của Hà Lan, Vương quốc Anh, Đan Mạch và Úc - 4 trong những quốc gia đã thiết lập hệ thống đánh giá nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học một cách toàn diện, ở cấp quốc gia - với các nội dung bao gồm: thời điểm và mục đích khởi đầu hoạt động đánh giá; phương pháp đánh giá chủ yếu; và các tiêu chí cơ bản. Từ những phân tích đó, các tác giả bài viết đã tìm được những điểm thuận lợi và những khó khăn mà các tổ chức làm công tác đánh giá phải đối mặt khi thực hiện đánh giá nghiên cứu, đánh giá tổ chức nghiên cứu và phát triển (NC&PT) nói chung và đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nói riêng. Nghiên cứu này cũng đã phản ánh những lưu ý, khuyến nghị một số nội dung để chuẩn bị và thực hiện công tác đánh giá trên được phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, phục vụ tốt hơn công tác quản lý khoa học và công nghệ (KH&CN).

Từ khóa: Đánh giá; Hoạt động nghiên cứu; Trường đại học; Tổ chức NC&PT.

Mã số: 15052501

1. Giới thiệu

Để thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội, Chính phủ của nhiều quốc gia trên thế giới đã tăng nguồn kinh phí cho nghiên cứu ở trường đại học. Tuy nhiên, khả năng tăng đầu tư để tăng đầu ra nghiên cứu còn phụ thuộc vào hiệu quả của hệ thống nghiên cứu. Đánh giá cả số lượng và chất lượng đầu ra nghiên cứu tại các trường đại học là một bước cơ bản tiến tới việc nâng cao hiệu quả nghiên cứu. Chính điều này lý giải tại sao việc đánh giá hoạt động NC&PT nói chung và đánh giá nghiên cứu² trong trường đại học nói riêng đã là xu hướng chung trên thế giới từ 20 năm trước.

Đánh giá hoạt động của các tổ chức NC&PT, đánh giá hoạt động nghiên cứu trong trường đại học là một hoạt động cần thiết của mỗi quốc gia với

¹ Liên hệ tác giả: pxthao2001@yahoo.com

² Cụm từ “đánh giá hoạt động nghiên cứu” hoặc “đánh giá hoạt động NC&PT” trong bài viết này được hiểu là đánh giá một hoặc một số đại lượng trong chuỗi giá trị sau: định hướng hoạt động nghiên cứu, các nguồn lực thực hiện nghiên cứu và kết quả đầu ra của hoạt động nghiên cứu. Đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học là đánh giá một hoặc một số đại lượng trong chuỗi giá trị trên của một trường đại học.

mục đích chính là đẩy mạnh quá trình hoàn thiện hệ thống các tổ chức NC&PT. Bên cạnh đó, hoạt động đánh giá này còn nhằm đưa các tổ chức NC&PT đi vào hoạt động đúng hướng theo chiến lược phát triển KH&CN của quốc gia, hoạt động với hiệu quả tốt nhất theo các chức năng, nhiệm vụ được giao. Ở các nước phát triển, nếu một tổ chức do nhà nước thành lập và cấp kinh phí hoạt động thì nó sẽ phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của nhà nước. Chính điều đó đã tạo điều kiện cho tổ chức hoạt động đúng hướng và sử dụng kinh phí do nhà nước cấp một cách hiệu quả nhất. Đánh giá độc lập, khách quan là một biện pháp khoa học mà nhiều nước tiên tiến trên thế giới sử dụng để thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát từ phía cơ quan chủ quản và từ phía công luận của xã hội.

Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày những nội dung căn bản về nguyên tắc và phương pháp luận đánh giá hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học qua kinh nghiệm của một số nước để xem xét việc áp dụng trong trường hợp của Việt Nam.

2. Kinh nghiệm của một số nước trong việc đánh giá hoạt động nghiên cứu tại trường đại học

Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học xuất phát từ nhu cầu của quản lý nhà nước và phần lớn đều do các cơ quan chính phủ thực hiện và giám sát. Kết quả đánh giá được sử dụng như một nguyên liệu đầu vào của quản lý NC&PT. Kết quả đánh giá là cơ sở để các nhà hoạch định chính sách đưa ra những quyết định cải thiện công tác quản lý, chỉ đạo nghiên cứu, khuyến khích sử dụng cơ sở hạ tầng nghiên cứu và các nguồn lực được hiệu quả (*J. van Steen and M. Eijffinger, 1998*). Kết quả đánh giá còn được sử dụng như một căn cứ để quyết định tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu. Sự phân bổ các nguồn tài trợ dựa trên các kết quả đánh giá sẽ cho hiệu quả cao hơn (*Aldo Geuna and Ben R. Martin, 2003*). Bên cạnh đó, kết quả đánh giá còn là nguồn dữ liệu để xếp hạng các trường đại học. Đánh giá này cũng có ý nghĩa lớn trong việc tăng cường tính trách nhiệm của các tổ chức NC&PT nói chung và các trường đại học nói riêng với các cấp quản lý cao hơn tổ chức tài trợ, chính phủ và cả xã hội (*Vereniging van Universiteiten Koninklijke et al, 2003*). Phương pháp luận đánh giá được hình thành bắt đầu từ việc xác định mục tiêu, tiêu chí, lập kế hoạch đánh giá đến việc đưa ra quy trình đánh giá từ bên ngoài phù hợp với bối cảnh riêng của từng nước, đồng thời tương hợp với quốc tế.

Trên cơ sở những tài liệu có được, chúng tôi nhận định rằng:

- Việc tổ chức đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học ở một số nước châu Âu được chia thành 2 dạng: Dạng 1 (đại diện là Vương quốc Anh, Hà Lan và Đan Mạch) - Việc đánh giá được tổ chức

một cách có hệ thống và toàn diện ở cấp quốc gia và bao trùm toàn bộ các chuyên ngành với các qui định rõ ràng. Các trường đại học bắt buộc phải chịu sự đánh giá này nếu không sẽ bị đưa ra khỏi danh sách các trường được đầu tư cho nghiên cứu từ nguồn ngân sách công. Các khoa, bộ môn của trường đại học được chia vào các chuyên ngành phù hợp, mỗi một chuyên ngành sẽ có một nhóm chuyên gia được thiết lập để đánh giá những nghiên cứu thuộc chuyên ngành đó. Sau khi đánh giá, các chuyên gia sẽ đưa ra các khuyến nghị về hoạt động nghiên cứu và từ đó xếp hạng các trường đại học; Dạng 2 (đại diện là Đức và Áo) - Ở các nước thuộc nhóm này không có hệ thống đánh giá toàn diện ở cấp quốc gia, việc đánh giá hoạt động nghiên cứu được thực hiện đơn lẻ, độc lập từng chuyên ngành và không cần tham chiếu đến thước đo để phân hạng rõ ràng. Phương pháp và tiêu chí đánh giá được thiết lập cho từng trường hợp cụ thể. Đánh giá hoạt động nghiên cứu của trường đại học tại các quốc gia thuộc nhóm này được tiếp cận theo hướng đa dạng và tùy bối cảnh cụ thể;

- Đối với các nước châu Á - Thái Bình Dương: Chúng ta có thể học được nhiều kinh nghiệm từ những phát triển gần đây trong đánh giá hoạt động nghiên cứu tại các trường đại học. Tại Úc và Hồng Kông đã có đánh giá hoạt động nghiên cứu cấp quốc gia và cả hai đều sử dụng kết quả đánh giá này trong việc phân bổ nguồn lực, tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu. Hồng Kông hiện đang áp dụng chương trình đánh giá của Vương quốc Anh. Vào năm 2000, New Zealand đã thử nghiệm phân bổ 20% kinh phí tài trợ các nghiên cứu trọng tâm trên cơ sở đánh giá của chuyên gia, phần còn lại phân bổ theo số lượng sinh viên, và dự kiến nếu phù hợp sẽ tăng tỷ trọng phân bổ đầu tư cho nghiên cứu theo kết quả đánh giá của các chuyên gia lên 80%. Cho đến nay, New Zealand vẫn chưa thực hiện việc đánh giá này như là một hoạt động được hệ thống hóa ở cấp quốc gia.

Dưới đây, chúng tôi sẽ phân tích việc đánh giá nghiên cứu trong các trường đại học của một số nước đại diện (Hà Lan, Vương quốc Anh và Úc). Đây là những nước có truyền thống thực hiện việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học một cách hệ thống, ở cấp quốc gia.

2.1. Hà Lan

Ở Hà Lan, hệ thống đánh giá đại học được hình thành vào năm 1988 và bắt đầu thực hiện đánh giá hoạt động nghiên cứu vào năm 1993. Gần đây, năm 2003 và năm 2009, ba tổ chức gồm: Hiệp hội các trường đại học Hà Lan (VSNU), Học viện Nghệ thuật và Khoa học Hoàng gia Hà Lan (KNAW) và Tổ chức nghiên cứu khoa học Hà Lan (NWO) đã định ra quy trình đánh giá chuẩn dành cho các tổ chức công (trong đó chủ yếu là các trường đại học)

(*Vereniging van Universiteiten Koninklijke et al, 2003*). Theo đó, các tổ chức nghiên cứu được tài trợ công sẽ thực hiện việc tự đánh giá - đánh giá nội bộ giữa kỳ theo chu kỳ 3 năm một lần và được đánh giá từ bên ngoài 6 năm một lần. Hệ thống đánh giá này nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu thông qua đánh giá chất lượng và sự phù hợp của các nghiên cứu đó, cải tiến công tác quản lý và chỉ đạo hoạt động nghiên cứu, đồng thời thể hiện trách nhiệm giải trình của các tổ chức nghiên cứu đối với các cấp quản lý cao hơn, cơ quan tài trợ, chính phủ và cả xã hội. Đánh giá từ bên ngoài được thực hiện bởi Ủy ban xét duyệt quốc tế. Hệ thống đánh giá nhằm 3 mục tiêu liên quan tới nghiên cứu và quản lý nghiên cứu như sau:

- Cải thiện chất lượng nghiên cứu thông qua việc đánh giá dựa trên chuẩn quốc tế về chất lượng và sự phù hợp;
- Cải thiện công tác quản lý và chỉ đạo nghiên cứu;
- Thể hiện trách nhiệm giải trình của các tổ chức nghiên cứu với các cấp quản lý, các cơ quan tài trợ, chính phủ và xã hội nói chung.

Việc đánh giá này được nhận định là mang lại các tác động sau:

- Tăng cường hợp tác giữa các nhà nghiên cứu, vì việc đánh giá nhằm vào các chương trình nghiên cứu (chứ không nhằm vào đánh giá các nhà nghiên cứu);
- Tăng tỉ lệ các công bố, đặc biệt trên những tạp chí quốc tế có hệ số ảnh hưởng (IF) cao;
- Nhiều quyền lực hơn cho những nhà quản lý trường đại học. Việc đánh giá cung cấp một nền tảng thông tin đáng tin cậy để các nhà quản lý sử dụng làm công cụ điều khiển chất lượng;
- Tầm quan trọng của chính sách nghiên cứu được nâng cao;
- Nâng cao danh tiếng cho những đối tượng có kết quả đánh giá tốt. Uy tín của các nhà nghiên cứu trong tổ chức đó được nâng lên theo;
- Báo cáo đánh giá được công khai đã làm cho những nhóm đối tượng yếu và không hữu ích không thể tiếp tục tồn tại mà không bị chú ý đến.

Tuy nhiên, thực hiện việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học cũng có thể có những tác động tiêu cực, ví dụ như là có ảnh hưởng đến sự liên kết giữa giảng dạy và nghiên cứu vì đánh giá chủ yếu tập trung vào việc quản lý nghiên cứu.

Đơn vị nhỏ nhất chịu sự đánh giá có thể là khoa/viện thuộc trường hoặc các chương trình nghiên cứu. Hà Lan phân ra làm 34 chuyên ngành chính cần đánh giá. Hội đồng đánh giá của Hà Lan chỉ có duy nhất chủ tịch hội đồng là người Hà Lan, các thành viên còn lại đều là chuyên gia nước ngoài. Chủ

tịch Hội đồng sẽ được lựa chọn thông qua sự nhất trí của các thành viên chủ chốt của các cơ quan nghiên cứu. Xếp hạng về chất lượng nghiên cứu tại Hà Lan được chia thành 5 mức từ thấp tới cao: 1 (rất kém), 2 (kém), 3 (trung bình), 4 (tốt) và 5 (xuất sắc). Báo cáo đánh giá của hội đồng đánh giá sẽ được phân tích theo từng chuyên ngành.

Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu của các trường đại học ở Hà Lan không chỉ dựa trên tiêu chí chất lượng mà còn đánh giá thêm 3 tiêu chí nữa gồm hiệu suất nghiên cứu, sự phù hợp và khả năng phát triển, cụ thể là:

- Đánh giá về chất lượng nghiên cứu ở đây tập trung vào khía cạnh học thuật, khoa học. Ví dụ: tính mới và sự đổi mới hoạt động nghiên cứu của trường đại học như thế nào; chỉ số nào để xem xét chất lượng của các ấn phẩm xuất bản từ các kết quả nghiên cứu...;
- Đánh giá về hiệu suất nghiên cứu là sự so sánh giữa các yếu tố đầu vào và các kết quả đầu ra của nghiên cứu;
- Đánh giá về sự phù hợp, tính xác đáng của các nghiên cứu có hai ý nghĩa: thứ nhất, các nghiên cứu của trường phải có sự phù hợp, tương quan với các nghiên cứu tại các trường đại học khác; thứ hai, nghiên cứu phải có khả năng ứng dụng cao trong xã hội và trong các quá trình sử dụng công nghệ;
- Đánh giá về khả năng phát triển là sự đánh giá khả năng nhận thức rõ ràng về sứ mệnh, chức năng, nhiệm vụ của từng khoa/viện thuộc trường, xem xét chiến lược, mục tiêu nghiên cứu và các công cụ được sử dụng để đo lường kết quả, so sánh với mục tiêu nghiên cứu đã đề ra. Hơn thế nữa, đánh giá mặt này còn yêu cầu các đơn vị có hoạt động nghiên cứu trong trường phải tự xây dựng các khung tiêu chí sử dụng làm thước đo, qua đó đánh giá được mức độ rõ ràng của nhận thức về mục tiêu nghiên cứu của đơn vị mình.

2.2. Vương quốc Anh

Vương quốc Anh giới thiệu một hệ thống đánh giá đầu ra nghiên cứu (RAE) từ giữa thập niên 1980. Sự khởi đầu của RAE cũng gặp một vài trở ngại. Nhiều khả năng là việc tiếp cận đầu tiên với đánh giá nhằm khuyến khích sự nâng cao chất lượng nghiên cứu không được thành công như mong đợi. Nhưng giờ đây, mặc dù không có nhiều thành tích bằng nhiều quốc gia khác, Vương quốc Anh vẫn xếp vào hàng các quốc gia cho ra được nhiều kết quả nghiên cứu khối học thuật (nghiên cứu trong các trường đại học) chất lượng cao, ví dụ theo như tổng hợp của Aled năm 2005 (*Aled ab Iorwerth, 2005*) thì vào năm 2003:

- Vương quốc Anh xếp hạng 13 trong số 17 quốc gia³ về chi tiêu cho NC&PT;
- Đóng góp vào việc đào tạo Tiến sỹ của Anh tương tự như của những quốc gia khác;
- Đóng góp của Anh vào các công bố khoa học trên thế giới xếp thứ 2 và sau đó, năm 2005 là thứ 3 - Nhật Bản vươn lên trước;
- Số lượng trích dẫn (kết quả nghiên cứu khối học thuật) của Vương quốc Anh nhiều thứ 2 trên thế giới, chiếm khoảng 11% lượng trích dẫn trên thế giới;
- Vương quốc Anh xếp vị trí thứ 2 trên thế giới ở hầu hết mọi lĩnh vực trừ Toán học (thứ 3) và Khoa học và Kỹ thuật Vật lý (thứ 4);
- Đóng góp của Anh vào số lượng trích dẫn toàn cầu đang trên đà tăng ngoại trừ khoa học xã hội và khoa học kỹ thuật;
- NC&PT ở các lĩnh vực thương mại được đánh giá là không thể so sánh trên trường quốc tế, ngoại trừ công nghiệp dược.

Có thể còn nghi ngại rằng liệu RAE có bỏ sót những nghiên cứu đa ngành hay không. Đây là một câu hỏi khá quan trọng khi mà số lượng các nghiên cứu đa ngành được thực hiện đang ngày càng tăng. Hội đồng điều hành RAE lo lắng về các vấn đề nảy sinh như: Trong khi các công trình đa ngành quả thực quan trọng (các nghiên cứu loại này chiếm khoảng 80% tổng số lượng nghiên cứu), có người lại cho rằng RAE có thể làm cản trở sự phát triển của kiểu nghiên cứu này, nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Tuy nhiên, từ năm 2001, các nhà nghiên cứu về phương pháp luận đánh giá đã thay đổi phương pháp, thay đổi kết cấu của nhóm chuyên gia đánh giá để có thể bao quát được những lĩnh vực nghiên cứu rộng hơn. Thực hiện nhiệm vụ đánh giá nghiên cứu đa ngành bởi nhóm các chuyên gia cùng ngành rộng hơn, am hiểu sâu, rộng có thể làm giảm sự thiên vị so với đánh giá bằng chuyên gia ngành hẹp.

Tác động của những đánh giá trong hệ thống RAE đã tạo ra sự thay đổi lớn trong cấu trúc quản lý nghiên cứu, như là đề hoạt động nghiên cứu có được sự ưu tiên cao hơn; phát triển quá trình đánh giá bên trong; phân phối có chọn lọc các nguồn lực phục vụ nghiên cứu; đưa những nhà quản lý có thâm niên lên chịu trách nhiệm kiểm soát và quản lý công việc. Một tác động nữa của RAE là đối với các cá nhân và khối học thuật ở cấp khoa được đánh giá cao hơn sẽ chịu áp lực về việc phải công bố trên những tạp

³ Theo nguồn tài liệu gốc (OST. (2003) *PSA Target metrics for the U.K. Research Base*. Office of Science and Technology, Department of Trade and Industry) 17 quốc gia đó là: Thụy Sĩ, Phần Lan, Nhật Bản, Mỹ, Đức, Bỉ, Pháp, Đan Mạch, Anh, Hà Lan, Canada, Ireland, Australia, Italia, Tây Ban Nha, Hàn Quốc và Na uy.

chí chất lượng cao. Bên cạnh đó, nếu họ được đánh giá thấp hơn thì phải cố gắng để có công bố nhiều hơn, không quan trọng ở đâu. Kết quả là khối học thuật dành nhiều thời gian hơn cho nghiên cứu và đầu ra nghiên cứu đã được cải thiện cả về số lượng và chất lượng.

Aled ab Iorwerth (2005) trích dẫn quan điểm của một số tác giả khác⁴, trong đó họ phân tích, đánh giá đầu ra nghiên cứu của các khoa trong trường đại học và khẳng định rằng với các khoa được xếp hạng cao, do những nhà nghiên cứu thuộc khoa đó đã nâng cao số các công bố của họ ở những tạp chí có chất lượng một cách đáng kể trong khoảng thời gian năm 1992-1996, cao hơn so với các năm 1980-1989. Hầu hết là sau khi được đánh giá, số lượng công bố của những nhà nghiên cứu đã tăng lên. Lưu ý rằng những đánh giá của năm 1992 và 1996 đã tạo một cú sốc hiệu suất tích lũy cho sự nghiệp của mỗi nhà nghiên cứu: đầu ra nghiên cứu đăng trên những tạp chí tiếng tăm cao hơn mức dự kiến sau mỗi kỳ đánh giá.

Đánh giá RAE thực hiện năm 2001 cho thấy chất lượng của nghiên cứu tăng đáng kể (tự đánh giá). 40% các khoa trong các trường đại học được đánh giá nằm trong 2 bảng xếp hạng uy tín. Một ủy ban của Hạ nghị viện đã đảm nhiệm việc đánh giá (từ bên ngoài) các kết quả đó để xem chúng có xác thực không và họ đã đưa ra những kết luận cơ bản là: (1) Có sự “đánh lạc hướng” để nâng cao thứ hạng, cụ thể là đã tồn tại những khoản chi phí như là chi phí hành chính, những khoản chi không rõ so với mục tiêu nghiên cứu và những khoản “đi đêm” cho những viện sĩ để khoa đó đạt được thứ hạng cao; (2) Tuy nhiên, thực tế RAE đã đem lại một sự cải thiện đáng tin cậy trong chất lượng nghiên cứu, đã đạt được những lợi ích, chủ yếu thông qua việc quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng và nhắm tới những lĩnh vực nghiên cứu xuất sắc. Ủy ban đó cũng kết luận rằng cần bổ sung những nguồn lực để hỗ trợ cải thiện nghiên cứu của các trường đại học.

Có nhiều ý kiến khác nhau về hệ thống RAE của Anh, nhưng dường như có một sự nhất trí lớn rằng RAE đã có tác dụng cải thiện đầu ra nghiên cứu. Lợi ích này có được với một cái giá nhất định: những chi phí tài chính trực tiếp phục vụ đánh giá dường như không nặng nề lắm, chỉ khoảng 1% tổng ngân sách nghiên cứu; tuy nhiên, chi phí về mặt thời gian của những viện sĩ đã thay cho những chi phí hành chính của RAE để đạt mục đích cao cả.

Như vậy, việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học tại Anh chỉ quan tâm đến một khía cạnh duy nhất là chất lượng. Tiêu chí đánh giá về chất lượng nghiên cứu tập trung vào tính mới và sự đổi mới trong nghiên cứu, xem xét chất lượng các ấn phẩm chính là chỉ số quan trọng của

⁴Trích dẫn phân tích của William J. Moore, Robert J. Newman, Peter J. Sloane and Jeremy D. Steely. (2002) *Productivity Effects of research Assessment Exercises*. Department of Economics, Louisiana State University Working Papers 2002-15

kết quả nghiên cứu. Mỗi đơn vị chịu sự đánh giá đều phải báo cáo về bốn nhóm thông tin: Nhân sự nghiên cứu, đầu ra của nghiên cứu, sự mô tả chung về tổ chức và các dữ liệu khác có liên quan. Xếp hạng chất lượng nghiên cứu của các trường đại học tại Anh được chia thành 7 mức độ từ thấp đến cao, gồm: 1, 2, 3b, 3a, 4, 5, 5*. Tài liệu hoàn chỉnh về kết quả đánh giá trong đó báo cáo cụ thể việc đánh giá cho từng khoa/viện của trường sẽ được công bố sau khi việc đánh giá kết thúc.

Trong lịch sử đánh giá RAE đã ghi nhận có sự giảm liên tục số lượng các chuyên ngành từ 72 chuyên ngành được đánh giá năm 1989 đã giảm xuống còn 68 chuyên ngành trong lần đánh giá năm 2001 và còn chú ý để giảm nữa trong những năm tiếp theo. Số lượng chuyên ngành quá lớn cũng gây ra nhiều vấn đề liên quan đến phân công đánh giá. Hội đồng đánh giá cho mỗi chuyên ngành có khoảng 9 đến 18 chuyên gia đến từ nhiều viện nghiên cứu, vùng miền và các trường đại học khác nhau của Anh. Đôi khi hội đồng lớn được chia thành các hội đồng nhỏ hơn.

2.3. Úc

Theo như tổng hợp của Hội đồng châu Âu (*European commission, 2010*), Úc giới thiệu một hệ thống đánh giá đầu ra nghiên cứu (ERA) - đặc biệt là trong các trường đại học - vào những năm đầu thập kỷ 1990. Ban đầu, việc đánh giá chỉ dựa vào một thống kê đơn giản số lượng các công bố được sử dụng như một chỉ số duy nhất và được phân tích bởi phương pháp thư viện trắc lượng. Ví dụ kết quả đánh giá công bố năm 2003: đóng góp công bố của Úc trong những tạp chí lớn đã tăng từ 2,2% lên 2,8% công bố toàn cầu trong những năm của thập niên 1990⁵. Tuy nhiên, việc sử dụng một phương pháp đếm đơn giản như vậy thì đã bỏ qua chất lượng, cho nên việc phát triển các phép đo đặc qua chỉ số trích dẫn đã là điều tất yếu.

Hệ thống nghiên cứu của Úc đang được đánh giá một cách thường xuyên. Học tập kinh nghiệm của Anh - phương pháp đánh giá được tiếp cận giống như RAE - Úc đã dùng cách đánh giá bằng chuyên gia cùng ngành để thay thế một số chỉ số đo đặc bằng thư viện trắc lượng. Các trường đại học cũng đã đồng ý với một danh sách bao gồm nhiều hơn các chỉ số cung cấp thông tin quản lý nghiên cứu để thấy rõ ràng hơn việc quản lý bên trong các trường đại học, cũng như cung cấp chứng cứ rõ hơn cho những báo cáo ra bên ngoài. Nhờ đó mà các khoản tài trợ nghiên cứu của chính phủ có khả năng sẽ đi tới các trường đại học và họ đảm bảo nghiên cứu có chất lượng cao nhất. Những trung tâm nghiên cứu xuất sắc trong những trường đại học

⁵ Tài liệu số 7 trong danh mục tài liệu tham khảo đã dẫn kết quả đánh giá được công bố năm 2003: Data on the number of publications and resources expended by university tại: http://www.dest.gov.au/highered/ki_reforms/allocations_2003.xls

mà có nhiều khả năng sẽ được biết đến, được hỗ trợ tài chính nhiều hơn để nghiên cứu.

ERA kết hợp việc sử dụng phương pháp thu viện trắc lượng các chỉ số đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu với việc đánh giá của các chuyên gia giàu kinh nghiệm, các chuyên gia được quốc tế công nhận. Các tiêu chí, chỉ số đánh giá cụ thể cho từng chuyên ngành phân thành các hạng mục sau:

- *Đánh giá về hoạt động và cường độ nghiên cứu:* Các chỉ số bao gồm: thu nhập từ nghiên cứu, đào tạo tiến sĩ và tổng số kết quả đầu ra của nghiên cứu, cụ thể là: đánh giá số lượng các ấn phẩm trong khoảng thời gian 6 năm; thu nhập từ nghiên cứu; và hoàn thành bảo vệ luận án tiến sĩ;
- *Đánh giá về chất lượng nghiên cứu:* Các chỉ số bao gồm phân tích các ấn phẩm và kết quả đầu ra nghiên cứu khác được sử dụng để xếp hạng, phân tích chỉ số trích dẫn và phân tích thống kê phần trăm những nơi có liên quan. Hiện nay, đã có 4 tầng chỉ số xếp hạng tạp chí đang được biên soạn với 17.000 tạp chí được xếp hạng cho 100 chuyên ngành;
- *Đánh giá về nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu:* Các chỉ số được xác định ở mức độ các chuyên ngành cụ thể. Úc mới chỉ thí điểm áp dụng ERA để đánh giá khía cạnh này vào cuối năm 2008, chỉ áp dụng cho khoa học tự nhiên và kỹ thuật, nhằm tham khảo ý kiến tư vấn và thử nghiệm.

Nói tóm lại, các công bố về kết quả đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học của một số nước được nêu trong bài viết này tập trung đánh giá kết quả đầu ra. Trong đó chủ yếu là đánh giá, xếp hạng về số lượng và chất lượng các bài báo được công bố trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế.

3. Thuận lợi và khó khăn của việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học

Nghiên cứu kinh nghiệm đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học của một số nước, chúng ta dễ dàng nhận thấy: Do nhận thức về vai trò của hoạt động đánh giá nói chung, đánh giá nghiên cứu trong các trường đại học nói riêng ngày càng tăng, nên việc thực hiện đánh giá nghiên cứu trong các trường đại học hiện nay có những thuận lợi sau:

- Ngày càng nhiều nước có những quy định chính thức về phương pháp, tiêu chí và cơ chế rõ ràng cho việc thực hiện đánh giá;
- Có nguồn kinh phí dành cho đánh giá song song với các nguồn kinh phí tài trợ cho nghiên cứu;

- Nhận thức của các bên tham gia vào quá trình đánh giá ngày càng tăng nên thuận lợi hơn cho việc tổ chức và phối hợp giữa các bên trong quá trình đánh giá;
- Sự phát triển về công nghệ thông tin, các cơ sở dữ liệu về thư mục trắc lượng đang ngày càng được phát triển; các tiêu chí đánh giá của các nước đang được xây dựng theo hướng phù hợp quốc tế tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các chuyên gia đánh giá trong việc so sánh và kiểm chứng thông tin.

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, ngay cả các nước phát triển trên thế giới cũng còn gặp nhiều khó khăn trong việc đánh giá hoạt động nghiên cứu. Cụ thể:

- Xét về mặt nghiên cứu, trường đại học là một loại hình tổ chức rất đa dạng. Hàm lượng nghiên cứu trong hoạt động của các trường cũng rất khác nhau, phụ thuộc vào tính chất ngành đào tạo của mỗi trường (một số trường tập trung vào nghiên cứu nhiều hơn những trường khác); bản chất hoạt động nghiên cứu của họ (nghiên cứu cơ bản, kỹ thuật/nghiên cứu ứng dụng); các liên kết của họ với đối tượng sử dụng các kết quả nghiên cứu (các viện nghiên cứu, trường đại học khác, doanh nghiệp nhỏ và các doanh nghiệp lớn); phạm vi địa lý của các đối tác nghiên cứu của họ; và phạm vi đối tượng thụ hưởng kết quả nghiên cứu của họ (địa phương, vùng, quốc gia, quốc tế). Bởi vậy, trong phương pháp đánh giá phải có cách tiếp cận sao cho có thể tương thích được với sự đa dạng đó - đây là điểm khá phức tạp. Để khắc phục cho khó khăn này, Liên minh châu Âu đã song song thực hiện nghiên cứu phân loại các tổ chức giáo dục đại học ở châu Âu và xây dựng hệ thống thu thập dữ liệu về các hoạt động và hiệu quả của các tổ chức giáo dục đại học châu Âu (về các khía cạnh giáo dục, nghiên cứu và đổi mới) riêng biệt;
- Sự khác biệt giữa các chuyên ngành, lĩnh vực nghiên cứu xuất phát từ lịch sử hình thành và cách thức tiến hành nghiên cứu. Những khác biệt này sẽ dẫn đến sự khác biệt trong hình thức biểu hiện kết quả và các phương tiện truyền tải các kết quả nghiên cứu đó, điều này có thể ảnh hưởng đến các loại dữ liệu đánh giá định lượng và định tính. Tùy thuộc vào các trường đại học, lĩnh vực nghiên cứu hay môi trường chính sách mà một số định dạng dữ liệu này có thể quan trọng hơn định dạng dữ liệu khác. Ví dụ, trong khi các nhà khoa học tự nhiên và khoa học sự sống có phương tiện truyền tải đầu ra nghiên cứu của họ là các tạp chí có phản biện của chuyên gia cùng ngành. Đầu ra nghiên cứu của các nhà khoa học kỹ thuật chủ yếu lại nằm trong kỹ yếu hội nghị mặc dù họ cũng có đăng bài trên các tạp chí và làm các nguyên mẫu thiết kế. Các nhà nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn có nhiều loại hình kết

quả đầu ra, trong đó, xuất bản sách là nguồn quan trọng, trong khi các ngành nghệ thuật thì đầu ra là các tác phẩm nghệ thuật lớn, các tác phẩm và các sản phẩm truyền thông. Ngay cả khi có cùng một loại hình đầu ra ưu tiên thì cũng vẫn có sự khác biệt, ví dụ cùng có chung loại hình đầu ra là các bài báo công bố trên những tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục các tạp chí ISI (Viện Thông tin Khoa học Hoa Kỳ) thuộc hệ thống của Thomson Reuters, thì hệ số ảnh hưởng - IF của các tạp chí cũng rất khác nhau: trong lĩnh vực toán học, IF của tạp chí đạt 1,0 là cao, trong khi các tạp chí về lĩnh vực sinh hóa IF đạt 1,0 lại là thấp. Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, các tạp chí có xu hướng có IF dưới 1,0. Vẫn còn một số tranh cãi về việc thực hành xếp hạng các tạp chí, liệu nó có phản ánh và/hoặc khẳng định tính chính thống của học thuật của một lĩnh vực khoa học. Trở ngại chính khi đo lường sử dụng các dữ liệu về thư mục trắc lượng là các chuyên ngành khác nhau sẽ tạo ra các kết quả đầu ra của nghiên cứu khác nhau mà không phải tất cả đều có thể được ghi nhận một cách dễ dàng. Sách, chương sách và báo cáo hội nghị được tham khảo nhiều không dễ để biên dịch cũng như tính quy đổi tương đương;

- Một khó khăn nữa trong việc đánh giá chất lượng nghiên cứu đó là, có phải bài báo quốc tế luôn có chất lượng cao hơn so với các công bố trong nước? Thực tế cho thấy, một số câu hỏi nghiên cứu nhằm giải quyết các hiện tượng phổ quát, một số khác có nội dung nghiên cứu liên quan đến các khía cạnh khu vực rõ ràng. Các nghiên cứu về lịch sử, dân tộc học, văn học, xã hội học, sự phạm hoặc ngôn ngữ có nội dung nghiên cứu chỉ có liên quan chặt chẽ đến khu vực hay địa phương mà nghiên cứu đó được tiến hành, nên có thể họ không thể công bố quốc tế, nhưng không có nghĩa nghiên cứu đó không có chất lượng. Không thể tránh khỏi việc phạm vi nghiên cứu có những ảnh hưởng đến công bố quốc tế. Điều này có thể ảnh hưởng đến các chuyên ngành nghiên cứu các vấn đề chỉ liên quan đến nội bộ quốc gia, ví dụ như nghiên cứu về lịch sử Bồ Đào Nha, văn học, ngôn ngữ, pháp luật, những ngành này không nhận được sự đối xử công bằng và bình đẳng từ các giám định viên so với các chuyên ngành nghiên cứu các vấn đề toàn cầu;
- Thời gian hiệu lực của kết quả nghiên cứu cũng khác nhau đối với các chuyên ngành khác nhau: trong một số lĩnh vực phát triển nhanh, những nghiên cứu đã tiến hành 3-4 năm trước đây có xu hướng trở nên lỗi thời và không còn được trích dẫn. Các lĩnh vực khác, các nghiên cứu được viết năm, mười, một trăm năm hoặc thậm chí lâu hơn nữa vẫn có thể có liên quan nên vẫn được sử dụng và trích dẫn. Ví dụ: Trong các ngành khoa học tự nhiên và sự sống, khoảng thời gian được trích dẫn thường là

5-10 năm trong khi ở các ngành khoa học xã hội và nhân văn đôi khi 10 năm được coi là quá ngắn;

- Thiếu sự thống nhất về một số khái niệm, cách quy đổi, cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ cũng là những khó khăn khi đánh giá nghiên cứu.

4. Những gợi suy cho việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong trường đại học ở Việt Nam

Trong những năm gần đây, tầm quan trọng của hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học đã được khẳng định thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật. Trong Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học, có một tiêu chuẩn để đánh giá về nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ trong các trường đại học. Luật KH&CN năm 2013 đã quy định cơ sở giáo dục đại học là một loại hình tổ chức KH&CN và cần phải được đánh giá để phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN. Để triển khai Luật, ngày 16/12/2014, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký ban hành Thông tư số 38/2014/TT-BKH&CN quy định về đánh giá tổ chức KH&CN. Thông tư quy định tiêu chí, chỉ số và cách thức đánh giá các tổ chức NC&PT, trong đó có các tổ chức NC&PT trong các trường đại học. Đây là những văn bản mới liên quan đến việc đánh giá tổ chức NC&PT (trong đó có đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học) và là bước đầu tạo hành lang pháp lý cho hoạt động đánh giá phát triển phục vụ công tác quản lý KH&CN ngày một tốt hơn. Tuy nhiên, để thực hiện được việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học ở nước ta một cách hiệu quả trong điều kiện hiện nay, chúng tôi xin khuyến nghị một số nội dung như sau:

- Cần mở rộng việc phổ biến, quảng bá hoạt động đánh giá KH&CN nói chung, đánh giá các tổ chức NC&PT và đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nói riêng để nâng cao hiểu biết và văn hóa đánh giá trong cộng đồng KH&CN. Điều đó có ý nghĩa rất lớn giúp việc hợp tác, tác nghiệp trong quy trình đánh giá được thuận lợi;
- Ở góc độ quản lý KH&CN, việc đánh giá các tổ chức NC&PT nói chung, đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nói riêng cần được thực hiện trong phạm vi toàn quốc. Trước mắt, cần xây dựng một lộ trình đánh giá để tiến tới mọi tổ chức NC&PT đều được đánh giá định kỳ. Hoạt động nghiên cứu của mọi trường đại học cũng đều được đánh giá định kỳ. Bước đầu có thể chỉ đánh giá thí điểm trên một số chuyên ngành trọng điểm của Việt Nam và đại diện cho các lĩnh vực: khoa học tự nhiên và kỹ thuật công nghệ, khoa học y - dược, khoa học

xã hội và nhân văn, khoa học nông nghiệp. Sau khi thực hiện đánh giá thí điểm sẽ điều chỉnh và mở rộng việc đánh giá để đáp ứng yêu cầu về quản lý;

- Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nên được thực hiện cho từng chuyên ngành/nhóm chuyên ngành có mức độ phát triển và tính chất học thuật tương đối gần nhau (có thể phân nhóm từ các chuyên ngành đào tạo mà trường đăng ký), sau đó sẽ tập hợp thành một báo cáo đánh giá tổng thể cho toàn trường và cho nhóm các trường;
- Mỗi một chuyên ngành/nhóm chuyên ngành sẽ có một hội đồng chuyên gia đánh giá riêng, trong đó bao gồm các chuyên gia am hiểu sâu, rộng về chuyên ngành/nhóm chuyên ngành trong nước hoặc nước ngoài, ở trong hoặc ngoài trường đại học;
- Lưu ý phải đưa vào tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu theo chuẩn quốc tế. Việc đưa chỉ số trích dẫn của các bài báo vào hệ thống các chỉ số đánh giá ở thời điểm này là cần thiết. Đây là một chỉ số có ý nghĩa để nói lên chất lượng nghiên cứu, tuy nhiên, điều này đòi hỏi phải có hệ thống cơ sở dữ liệu đầy đủ về các công trình công bố cùng với trích dẫn và kỹ năng phân tích dữ liệu, đặc biệt là kỹ năng phân tích thư mục trích lượng.

5. Kết luận

Việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học đã được rất nhiều nước thực hiện từ nhiều năm trước đây. Khung phương pháp luận đánh giá cơ bản là giống nhau, tuy nhiên, khi áp dụng để đánh giá một tổ chức hoặc một nhóm các tổ chức NC&PT cụ thể - có thể là trong hoặc ngoài trường đại học thì được cụ thể hoá thành mô hình đánh giá sao cho phù hợp ở mọi khía cạnh. Các khía cạnh chủ yếu làm căn cứ xây dựng các mô hình đánh giá là: đặc trưng tổ chức; tính chất chuyên môn; mục tiêu đánh giá - chú ý của các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách.

Ở nước ta, trước đây, việc đánh giá hoạt động nghiên cứu ở trường đại học mới chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá, nghiệm thu từng nhiệm vụ (đề tài, dự án) riêng lẻ. Việc xem xét đánh giá hoạt động nghiên cứu trong phạm vi cấp trường, khoa (nếu có) phần lớn chỉ mang tính hành chính, trong các kỳ tổng kết. Do vậy, kết quả đánh giá rất khó sử dụng trong việc điều hành, phân bổ nguồn lực (đầu tư, nhân lực, phối hợp các đơn vị) và hoạt động đánh giá chưa có tác dụng như là một công cụ hữu hiệu phục vụ quản lý nghiên cứu trong các trường đại học. Đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học là vấn đề mà Bộ Khoa học và Công nghệ cần triển khai thực hiện để có cơ sở xây dựng chính sách phù hợp để thúc đẩy nghiên cứu trong trường đại học đóng góp vào sự phát triển ngành KH&CN.

Bằng phương pháp phân tích tài liệu, các tác giả bài viết đã trình bày tổng quát kinh nghiệm của Hà Lan, Vương quốc Anh, Đan Mạch và Úc - 4 trong những quốc gia đã thiết lập hệ thống đánh giá nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học một cách toàn diện, ở cấp quốc gia - với các nội dung được phân tích bao gồm: thời điểm và mục đích khởi đầu hoạt động đánh giá; phương pháp đánh giá chủ yếu; và các tiêu chí cơ bản. Từ những phân tích đó, các tác giả bài viết đã tìm được một số đặc điểm thuận lợi khi thực hiện đánh giá nghiên cứu, đánh giá tổ chức NC&PT nói chung và đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nói riêng, ví dụ: khi đã có các quy định về đánh giá rõ ràng và văn hóa đánh giá ngày càng được nâng cao, thì việc phối hợp giữa các bên trong quy trình đánh giá càng trở nên thuận lợi; sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin là công cụ quan trọng hỗ trợ việc phát triển, kiểm chứng dữ liệu phục vụ việc đánh giá được dễ dàng hơn. Tuy nhiên, ngay cả với một số quốc gia có hệ thống đánh giá hoàn thiện, thì việc đánh giá hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học cũng là một thách thức, bởi tính chất hoạt động của các trường đại học rất đa dạng (gồm 2 mảng công tác song hành và gắn kết, đó là nghiên cứu và đào tạo; hàm lượng nghiên cứu khác nhau và tính chất kết quả đầu ra khác nhau do tính chất ngành nghề khác nhau, đối tượng mà hoạt động nghiên cứu của họ phục vụ khác nhau). Nghiên cứu này cũng đã đưa ra khuyến nghị một số biện pháp và những lưu ý khi chuẩn bị, thực hiện công tác đánh giá phù hợp với điều kiện thực tiễn ở nước ta hiện nay, phục vụ tốt hơn công tác quản lý KH&CN, như là: cần phổ biến và quảng bá để nâng cao hiểu biết và văn hóa đánh giá trong cộng đồng KH&CN; phải xây dựng lộ trình đánh giá để nhanh chóng tiến tới việc mọi tổ chức NC&PT (cả trong và ngoài trường đại học) đều được đánh giá định kỳ; phải phân nhóm các tổ chức NC&PT một cách hợp lý và tìm được các nhóm chuyên gia phù hợp để đánh giá; và lưu ý các chỉ số đánh giá chất lượng theo chuẩn quốc tế./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

1. Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.
2. Thông tư số 38/2014/TT-BKHCN ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định về đánh giá tổ chức KH&CN.

Tiếng Anh:

3. J. van Steen and M. Eijffinger. (1998) *Evaluation Practices of Scientific Research in The Netherlands*. Research Evaluation Journal, Vol 7 (2), Oxford University Press, p.113-122.

4. Aldo Geuna and Ben R. Martin. (2003) *University research evaluation and funding: an international comparison*. Kluwer Academic Publishers. Printed in the Netherlands.
5. Vereniging van Universiteiten Koninklijke, Nederlandse Organisatie voor Wetenschappelijk Onderzoek, Nederlandse Akademie van Wetenschappen. *Standard Evaluation Protocol*, 2003 - 2009. For Public Research Organisations, ISBN 90-5588 278x, 2003.
6. Aled ab Iorwerth. (2005) *Methods of Evaluating University Research Around the World*. Working Paper 2005-04, March 2005.
7. European commission. (2010) *Assessing Europe's University-Based Research*. ISBN 978-92-79-14225-3, ISSN 1018-5593